

Bản án số: 151/2025/DS-PT
Ngày 17-3-2025
V/v tranh chấp về tài sản chung và
tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp
Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 788/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 136/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Ngọc D, sinh năm 1969; địa chỉ: số A, L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Lưu Văn B, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ F, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An; địa chỉ liên hệ: số B, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Dương Văn D1, sinh năm 1968; địa chỉ: số C, ngõ A, T, phường T, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Ông B và ông D1 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2022 và ngày 10/6/2024), ông B có mặt, ông D1 vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thanh L, sinh năm 1964; địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số B, Đ, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Bà Trần Thanh L1, sinh năm 1966; địa chỉ: số B, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thanh P, sinh năm 1962, có mặt.

2. Ông Trần Thanh H, sinh năm 1970, vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/3, có mặt tại phiên tòa ngày 17/3.

Cùng địa chỉ: số B, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Trần Gia M, sinh năm 1997, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Ông Trần Gia H1, sinh năm 1997, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số A, L, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Đặng Phương T, sinh năm 1994, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1986, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số B, Đ, khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

7. Bà Trần Dạ T2, sinh năm 1987, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

8. Bà Trần Diễm H2, sinh năm 1991, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số D, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

9. Ông Trần Gia B1, sinh năm 2000; địa chỉ: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số E, khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người kháng cáo: bị đơn bà Trần Thanh L, bà Trần Thanh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh P, ông Trần Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lưu Văn B trình bày:

Bà Trần Ngọc D2 và ông Trần Thanh T3 là vợ chồng và có 02 người con chung là Trần Gia M và Trần Gia H1 cùng sinh năm 1997. Năm 2008 ông T3 chết. Cha mẹ của ông T3 là ông Trần Giai K (chết năm 1974) và bà Lê Thị Ngọc Y (chết năm 2013). Ông K và bà Y có 05 người con chung gồm: Ông Trần Thanh T3, sinh năm 1968 (chết năm 2008), bà Trần Thanh P, sinh năm 1962; bà Trần Thanh L, sinh năm 1964, bà Trần Thanh L1, sinh năm 1966, ông Trần Thanh H, sinh năm 1970.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định ông K và bà Y ngoài 05 người con nêu trên thì còn có thêm 02 người con chung là ông Trần Thanh X, sinh năm 1961 (chết năm 2002), ông X có 02 người con là Trần Dạ T2 và Trần Diễm H2 và ông Trần Thanh N, sinh năm 1972 (chết năm 2010) có 01 người con là Trần Gia B1, nguyên đơn thống nhất.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà D2 với ông T3 có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 67,7m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ 36 tại 25C khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02041/TTLT do UBND huyện T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp cho ông T3 và bà D2 ngày 10/8/2007.

Năm 2008, ông T3 chết không để lại di chúc, sau khi ông T3 chết, bà Trần Thanh L và bà Trần Thanh L1 đã chuyển về căn nhà trên sinh sống để chăm sóc bà Y do đã già yếu. Đến năm 2013, bà Y chết không để lại di chúc. Trong thời gian này bà D2 và các con sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh để buôn bán và vẫn thường xuyên về phường L trông coi nhà cửa. Tuy nhiên, sau khi bà Y chết, bà D2 yêu cầu bà L, bà L1 chuyển đi nơi khác, trả lại nhà đất thì các bị đơn không đồng ý.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Trần Thanh L1 và bà Trần Thanh L phải chấm dứt hành vi chiếm dụng trái phép, giao trả lại căn nhà và thửa đất diện tích 67,7m² thuộc thửa đất số 503, tờ bản đồ số 36 tại khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, cho bà Đặng Ngọc D.

- Chia tài sản chung của vợ chồng giữa bà Đặng Ngọc D và ông Trần Thanh T3 đối với nhà đất nêu trên, bà D yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ nhà đất khoảng 33,85m².

- Chia thừa kế tài sản của ông Trần Thanh T3 để lại theo quy định pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 gồm: bà Y, bà D, ông M và ông H1 mỗi người được nhận $\frac{1}{4}$ diện tích nhà đất trên.

Do bà Y chết năm 2013 không để lại di chúc nên yêu cầu chia kỹ phần thừa kế của bà Y cho các đồng thừa kế hợp pháp của bà Y, mỗi kỹ phần tương ứng $\frac{1}{7}$ diện tích nhà đất trên.

Bà D yêu cầu được nhận nhà đất và thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại trong vụ án.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thanh L và bà Trần Thanh L1 thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống bà Y và ông K có 07 người con gồm:

- Ông Trần Thanh X, sinh năm 1961 chết năm 2002 có vợ tên Trương Thị M1 và có 02 người con là Trần Dạ T2, sinh năm 1987 và Trần Diễm H2, sinh năm 1991.

- Ông Trần Thanh T3, sinh năm 1968, chết năm 2008 có vợ là bà D và có 02 người con là ông M và ông H1.

- Bà Trần Thanh P, sinh năm 1962;

- Bà Trần Thanh L, sinh năm 1964;

- Bà Trần Thanh L1, sinh năm 1966;

- Ông Trần Thanh N, sinh năm 1972 chết năm 2010 có vợ tên Trần Mỹ L2 và con tên Trần Gia B1 sinh năm 2000;

- Ông Trần Thanh H, sinh năm 1970.

Về tài sản tranh chấp: nhà đất tại địa chỉ B khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương là do ông bà để lại cho ông K và bà Y. Sau đó, khoảng năm 2005 - 2006 ông T3 bỏ tiền ra cất nhà cho bà Y và các anh chị em sinh sống nên bà Y kêu tất cả anh chị em thống nhất cho ông T3 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông T3 để cho bà D cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các anh, chị, em không biết.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà đất này là của cha mẹ để lại. Hiện tại, bà L, bà L1, bà P, bà T1 cùng các con bà T1 và bà T đang sinh sống tại nhà đất tranh chấp. Do gia đình bị đơn rất khó khăn, bà P và bà L1 đã lớn tuổi, thường xuyên bệnh tật, không có công việc, thu nhập nên mong muốn được tiếp tục sinh sống tại nhà đất này.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh P và ông Trần Thanh H trình bày:

Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bị đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc tài sản tranh chấp. Ông H, bà P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Phương T trình bày:

Về quan hệ huyết thống, thống nhất với lời trình bày của các bị đơn.

Về nguồn gốc tài sản tranh chấp là của ông Trần Thanh T3 và bà Đặng Ngọc D. Lúc nhỏ bà T sống cùng mẹ tại nhà đất nêu trên, hiện tại bà T đã lập gia đình và đã chuyển ra kiot trên diện tích đất của bà Trần Thanh L sinh sống. Bà D khởi kiện tranh chấp tài sản chung và tranh chấp thừa kế tài sản của ông T3 để lại, bà T không có ý kiến vì bà không sống tại nhà đất này, không đóng góp nên không yêu cầu gì trong vụ án.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm T1 trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bị đơn về quan hệ huyết thống.

Về nguồn gốc tài sản tranh chấp, nhà đất này là của ông Trần Thanh T3 và bà Đặng Ngọc D. Bà T1 và các con của bà đang sinh sống tại nhà đất trên, quá trình sinh sống tại đây bà đã bỏ tiền ra sửa chữa, mua sắm trong gia đình, số tiền khoảng 40.000.000 đồng hiện nay không còn hóa đơn chứng từ nhưng bà không yêu độc lập trong vụ án và không yêu cầu thanh toán lại cho bà. Bà T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp phải giao trả nhà cho bà D thì bà và các con đồng ý dọn đi và trả lại nhà đất cho nguyên đơn.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Dạ T2 và bà Diễm H2 thống nhất trình bày:

Bà T2 và bà H2 là con của ông Trần Thanh X, chết năm 2002 và bà Trương Thị M1. Về quan hệ huyết thống, thống nhất với lời trình bày của bị đơn và tài sản tranh chấp là của ông Trần Thanh T3 và bà Đặng Ngọc D.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông T3 đối với nhà đất nêu trên. Do ông Trần Thanh X chết trước bà Y nên bà T2 và bà H2 thuộc trường hợp thừa kế thế vị của ông X và yêu cầu được hưởng kỹ phần thừa kế của bà Lê Thị Ngọc Y để lại theo quy định pháp luật và xác định không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Gia B1 trình bày:

Về quan hệ huyết thống và tài sản tranh chấp: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà Trần Dạ T2 và Trần Diễm H2.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản của ông T3 đối với nhà đất nêu trên. Do ông Trần Thanh N đã chết trước bà Y nên ông B1 thuộc trường hợp thừa kế thế vị của ông N vì vậy ông yêu cầu được hưởng kỹ phần thừa kế của bà Lê Thị Ngọc Y để lại theo quy định pháp luật và xác định không yêu cầu độc lập trong vụ án.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Gia M và ông Trần Gia H1 trình bày:

Thông nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và tài sản tranh chấp. Đối với kỷ phần mà ông M và ông H1 được nhận thừa kế của ông T3 và của bà Y thì yêu cầu giao lại cho bà D được hưởng và không yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 24/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Ngọc D về việc tranh chấp tài sản chung và tranh chấp thừa kế tài sản đối với bị đơn bà Trần Thanh L và bà Trần Thanh L1.

- Giao cho Đặng Ngọc D được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 67,7m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích 58,5m² gồm nhà ở trệt + lửng kết cấu bê tông cốt thép, mái tole, gác xép diện tích 37,2m²; bếp kết cấu cột gạch, mái tole, nền gạch men, không trần, diện tích 21,3m²; 01 giếng khoan và 01 đồng hồ điện thuộc thửa 503, tờ bản đồ số 36 tại khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Có tứ cận: Hướng Tây Bắc giáp đất bà Trần Thanh L.

Hướng Đông bắc giáp đất ông Trần Văn .

Hướng Đông Nam giáp mương nước.

Hướng Tây Nam giáp đất ông Phạm Hồng V, bà Huỳnh Thi Ngọc K1.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

- Bà Trần Thanh L, bà Trần Thanh L1, bà Trần Thanh P và bà Nguyễn Thị Diễm T1 có trách nhiệm di dời tài sản, giao trả nhà và quyền sử dụng đất nêu trên cho bà Đặng Ngọc D được quyền quản lý sử dụng, sở hữu.

2. Bà Đặng Ngọc D có trách nhiệm:

- Thanh toán cho bà Trần Thanh L và bà Trần Thanh L1 mỗi người số tiền 97.120.348 đồng (chín mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng).

- Thanh toán cho bà Trần Thanh P, ông Trần Thanh H và ông Trần Gia B1 mỗi người số tiền 23.623.868 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng).

- Thanh toán cho bà Trần Diễm H2 và bà Trần Dạ T2 mỗi người số tiền 11.811.934 đồng (mười một triệu tám trăm mười một nghìn chín trăm ba mươi tư đồng).

Bà Đặng Ngọc D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký, điều chỉnh và cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất theo quy định đối với diện tích đất được phân chia theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thanh L, bà Trần Thanh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh P, ông Trần Thanh H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 10/3/2025, bà L, bà L1, bà P có mặt, ông H vắng mặt không có lý do. Bà L, bà L1, bà P kháng cáo yêu cầu xem xét cho các bà được tiếp tục sinh sống tại nhà và đất tranh chấp đến hết đời của các bà sẽ trả lại, các bà không cần bà D thanh toán giá trị. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/3/2025, ông H có mặt. Bà L, bà L1, bà P, ông H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo theo đơn kháng cáo của các ông, bà.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập thành viên hộ gia đình của bà L tại thời điểm tặng cho và không thu thập hồ sơ cấp đất của bà L để làm rõ nguồn gốc đất.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Gia M, ông Trần Gia H1, bà Đặng Phương T, bà Nguyễn Thị Diễm T1, bà Trần Dạ T2, bà Trần Diễm H2, ông Trần Gia B1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Đặng Ngọc D và ông Trần Thạnh T3 là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/6/1995. Bà D và ông T3 có 02 người con chung là Trần Gia M và Trần Gia H1 cùng sinh vào ngày 10/4/1997 theo Giấy khai sinh số 115, 116 quyền số 01 đăng ký ngày 08/5/1997 tại Ủy ban nhân dân phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Thạnh T3 có cha tên Trần Giai K, chết năm 1974 và mẹ là bà Lê Thị Ngọc Y, chết năm 2013. Ông K và bà Y có 07 người con chung gồm ông Trần Thạnh T3, sinh năm 1968; bà Trần Thanh P, sinh năm 1962; bà Trần Thanh L, sinh năm 1964; bà Trần Thanh L1, sinh năm 1966; ông Trần Thanh H, sinh năm 1970; ông Trần Thanh X,

sinh năm 1961 chết năm 2002 có vợ tên Trương Thị M1 và có 02 người con là Trần Dạ T2, sinh năm 1987 và Trần Diễm H2, sinh năm 1991 và ông Trần Thanh N, sinh năm 1972 chết năm 2010 có vợ tên Trần Mỹ L2 và con tên Trần Gia B1, sinh năm 2000.

[3] Trong thời kỳ hôn nhân bà D và ông T3 có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 67,7m² thuộc thửa 503, tờ bản đồ 36 tại 25C khu phố C, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02041/TTLT do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông T3 và bà D ngày 10/8/2007, nguồn gốc đất do nhận tặng cho từ hộ bà Trần Thanh L. Năm 2008, ông Trần Thanh T3 chết không để lại di chúc. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng và chia di sản thừa kế của ông T3 theo quy định pháp luật.

[4] Bị đơn bà L, bà L1 và bà P cho rằng đất có nguồn gốc do ông bà để lại cho cha mẹ là ông K và bà Y. Khoảng năm 2005, 2006 ông T3 bỏ tiền ra cất nhà cho bà Y và các anh chị em sinh sống nên bà Y kêu tất cả anh chị em thống nhất cho ông T3 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông T3 để cho bà D cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các anh chị em không biết việc này. Các ông bà cho rằng đây vẫn là tài sản của cha mẹ nên mong muốn được tiếp tục sinh sống tại nhà đất này và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Xét, theo Công văn số 526/CNTA-ĐK&CGCN ngày 27/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T cung cấp thì thửa đất trên có nguồn gốc do ông Trần Thanh T3 và bà Đặng Ngọc D nhận tặng cho của hộ bà Trần Thanh L theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được UBND phường L chứng thực số 463 ngày 06/7/2007, tại Hợp đồng tặng cho ngày 06/7/2007 đều thể hiện chữ ký của đầy đủ thành viên trong hộ bà L và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02041/TTLT do UBND huyện (nay là thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông T3 và bà D ngày 10/8/2007. Tại Công văn số 2118/UBND-NC ngày 19/7/2023 của UBND thành phố T xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đúng trình tự, thủ tục quy định. Bị đơn bà L, bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng tài sản tranh chấp là của chung, tuy nhiên không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thỏa thuận tài sản chung và trong quá trình tố tụng bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà, đất tranh chấp là tài sản hợp pháp trong thời kỳ hôn nhân của ông Trần Thanh T3 và bà Đặng Ngọc D, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, chia tài sản chung vợ chồng và chia thừa kế tài sản của ông T3 để lại theo quy định pháp luật là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 33, Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 649, 650 và Điều 651 của Bộ luật Dân sự.

[6] Trước khi phân chia tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính công sức gìn giữ, bảo quản tài sản cho các bị đơn 10% trên tổng giá trị tài sản là phù hợp. Do diện tích đất 67,7m² sau chia tài sản chung và chia thừa kế cho các đồng thừa kế, mỗi kỹ phần không đủ điều kiện để tách thửa riêng từng người theo Quyết định 12/2023/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh B quy định về điều kiện tách thửa đất, điều kiện hợp thửa đất và diện tích tối thiểu được tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đối với các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sinh sống tại nhà đất nêu trên thì hiện tại bà L đang có đất và kiot liền kề tiếp giáp với nhà đất của ông T3, bà D nên nhà đất tranh chấp không phải là chỗ ở duy nhất của bị đơn. Mặt khác, giá trị tài sản bà D nhận được sau khi chia chiếm hơn 3/4 của khối tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản tranh chấp cho bà D và bà D có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỹ phần cho các đồng thừa kế là có căn cứ.

[7] Bị đơn bà L, bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P kháng cáo yêu cầu được tiếp tục sinh sống tại nhà và đất tranh chấp đến hết đời của các bà sẽ trả lại, các bà không cần bà D thanh toán giá trị. Tuy nhiên, bà D không đồng ý và bị đơn bà L, bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P không đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên kháng cáo không được chấp nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là không phù hợp. Bởi lẽ, quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập hồ sơ, đối với tài sản tranh chấp, các đương sự thừa nhận về nguồn gốc đất, không ai tranh chấp với ông T3, bà D về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và cơ quan có thẩm quyền xác định việc chứng thực hợp đồng cũng như cấp giấy chứng nhận cho ông T3 và bà D là đúng quy định.

[8] Về án phí phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định, bà bà P là người cao tuổi nên được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thanh L, bà Trần Thanh L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thanh P và ông Trần Thanh H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 129/2024/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thanh P được miễn nộp.

Bà Trần Thanh L phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0009567 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bà Trần Thanh L1 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0009566 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Than H3 phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0009568 ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- TAND thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết